TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST Ngày: 28-03-2022 *V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lương Mạnh Tường
- Ông Nguyễn Văn Phiếu

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngần – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 03 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 186/2021/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST- HNGĐ ngày 09 tháng 03 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị H, sinh năm 1988
Địa chỉ: Thôn Tiền P 1, xã Văn P, huyện N, tỉnh Ninh Bình.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1986
Địa chỉ: Thôn Tiền P 1, xã Văn P, huyện N, tỉnh Ninh Bình.
Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 10 năm 2021 và bản tự khai, nguyên đơn Chị Lương Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau và có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã Văn P, huyện N, tỉnh Ninh Bình vào ngày

06/10/2009 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng anh chị sinh sống tại Thôn Tiền P 1, xã Văn P, huyện N. Tuy nhiên hai vợ chồng chỉ hạnh phúc được 1 thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh H không tu chí làm ăn, không chăm lo hạnh phúc gia đình, vợ chồng không còn tin tưởng nhau về mặt tình cảm. Nên chị xin ly hôn với Anh Nguyễn Văn H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định chị và anh H có 02 con chung là cháu: Nguyễn Thị Ngọc L sinh ngày 29/05/2010 và cháu Nguyễn Duy H sinh ngày 13/11/2017. Hiện tại các cháu đang ở với chị, nguyện vọng của chị nếu ly hôn chị xin tiếp tục nuôi cả 02 cháu, chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản và công nợ chung: Chị không đề nghị Tòa giải quyết.

Đối với bị đơn Anh Nguyễn Văn H: Mặc dù được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ, tuy nhiên anh H vẫn không đến Tòa án làm việc trực tiếp và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án. Theo báo cáo của chính quyền địa phương thì hiện nay anh H vẫn đang cư trú tại Thôn Tiền P 1, xã Văn P, huyện N.

Ý kiến của cháu Nguyễn Thị Ngọc L thể hiện tại biên bản lấy lời khai ngày 03/12/2021: Nếu bố mẹ ly hôn thì cháu xin tiếp tục ở với mẹ.

Ngày 09/10/2021 Toà án nhân dân huyện N đã thụ lý vụ án, quá trình giải quyết Tòa án đã báo gọi anh H nhiều lần, tuy nhiên anh H vắng mặt không có lý do vì vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Vì vậy vụ án được đưa án xét xử theo thủ tục chung. Tại đơn xét xử vắng mặt nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin ly hôn với Anh Nguyễn Văn H và giải quyết về con chung.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

-*Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Do bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Văn P, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Toà án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015. Việc thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát:* Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ:* Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đã có đơn xin xử vắng mặt. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không có mặt tại phiên tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Lương Thị H. Xử ly hôn giữa Chị Lương Thị H và Anh Nguyễn Văn H .

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao các cháu Nguyễn Thị Ngọc L sinh ngày 29/05/2010 và cháu Nguyễn Duy H sinh ngày 13/11/2017 hiện cả 2 cháu đang ở với chị H cho chị H tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Hương.

3. Về án phí ly hôn: Chị Lương Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Văn P, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh

Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1].Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa Chị Lương Thị H và Anh Nguyễn Văn H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống được với nhau thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm, không hợp nhau về mọi mặt. Cuộc sống vợ chồng của chị H và anh H thường xảy ra xung đột và kéo dài, hai bên đã ly thân. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh H là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2].Về con chung: Chị H và anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc L sinh ngày 29/05/2010 và cháu Nguyễn Duy H sinh ngày 13/11/2017. Nguyện vọng của chị H là được tiếp tục nuôi cả 02 cháu và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay chị H khỏe mạnh, có thu nhập, mặt khác các cháu ở ổn định với chị Hương. Trong suốt quá trình Tòa án giải quyết anh H không có ý kiến gì về việc nuôi con sau khi ly hôn. Mặt khác, cháu Linh có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển ổn cho các cháu nên tiếp tục giao cả 2 cháu Nguyễn Thị Ngọc L và Nguyễn Duy H cho chị H nuôi là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do đương sự không có yêu cầu vì vậy không đặt ra việc giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lương Thị H phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: - Các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Lương Thị H . Xử ly hôn giữa Chị Lương Thị H và Anh Nguyễn Văn H .

2.Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Thị Ngọc L sinh ngày 29/05/2010 và cháu Nguyễn Duy H sinh ngày 13/11/2017, hiện các cháu đang ở với chị H cho chị H tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con được giải quyết khi có một trong các căn cứ sau đây: Cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con; Người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên. Trong trường hợp xét thấy cả cha và mẹ đều không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con thì Tòa án quyết định giao con cho người giám hộ theo quy định của Bộ luật dân sự. Trong trường hợp có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 84 thì trên cơ sở lợi ích của con, cá nhân, cơ quan, tổ chức sau có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con: Người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lương Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003379 ngày 19/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: Chị Lương Thị H và Anh Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND huyện N;*
- *Chi cục THADS huyện N;*
- *UBND xã Văn P;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(ĐÃ KÝ)

NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH